

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2011

Phần I - LÃI, LỖ

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	46.654.871.679	44.469.338.687	169.744.855.009	111.119.760.399
2 . Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	525.858.800		556.582.500	-
3 . Doanh thu thuần về bán hàng và c/cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10	VI.27	46.129.012.879	44.469.338.687	169.188.272.509	111.119.760.399
4 . Giá vốn hàng bán	11	VI.28	39.719.116.574	31.606.148.832	140.964.571.515	76.701.691.577
5 . Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d/vụ (20 = 10 - 11)	20		6.409.896.305	12.863.189.855	28.223.700.994	34.418.068.822
6 . Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	114.821.915	103.085.222	6.768.564.219	842.140.700
7 . Chi phí tài chính	22	VI.30	11.026.192.954	3.392.599.030	27.680.206.992	7.758.573.081
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		10.876.265.790	2.697.128.719	27.015.911.826	6.319.512.976
8 . Chi phí bán hàng	24		1.991.404.707	1.565.849.056	6.032.636.864	4.319.184.026
9 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.870.003.438	1.265.647.090	5.764.015.846	3.351.626.737
10 . Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 +25)}	30		(9.362.882.879)	6.742.179.901	(4.484.594.489)	19.830.825.678
11 . Thu nhập khác	31		283.449.344	106.113.407	3.711.231.812	221.780.799
12 . Chi phí khác	32		1.351.085	2.462.221	2.018.863.115	10.110.579
13 . Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		282.098.259	103.651.186	1.692.368.697	211.670.220
14 . Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(9.080.784.620)	6.845.831.087	(2.792.225.792)	20.042.495.898
Doanh thu không chịu thuế TNDN			86.400.000	73.785.056	6.566.044.296	73.785.056
Cổ tức được chia từ CP đầu tư vào các công ty			86.400.000	73.785.056	6.566.044.296	73.785.056
Chi phí không giảm trừ thuế TNDN			24.391.496	4.584.740	53.282.256	12.966.193
Thù lao ban thành lập ISO 14000			-	-	6.360.000	-
Phí chuyển tiền của khách hàng + phí khác			24.391.496	4.584.740	46.922.256	12.966.193
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN			(9.142.793.124)	6.776.630.771	(9.304.987.832)	19.981.677.035
15 . Chi phí thuế TN DN hiện hành	51	VI.31	-	1.694.157.693	-	4.995.419.260
16 . Chi phí thuế TN DN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
17 . Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 -52)	60		(9.080.784.620)	5.151.673.394	(2.792.225.792)	15.047.076.638
18 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Ngày 14 tháng 10 năm 2011

Lập Biểu

(Đã ký)

Phạm Thế Tài

Kế Toán Trưởng

(Đã ký)

Lê Xuân Hoàng

Tổng Giám Đốc

(Đã ký)

Đoàn Văn Đạo